

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/8/2018

V/v “Tranh chấp về ly hôn và chia
tài sản khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Mai Thị Thúy Hằng.

2. Ông: Nguyễn Sửu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồ Thu Thảo, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 217/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2018 và Thông báo hoãn phiên tòa số 62/TB-TA ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đ B, sinh năm 1966. Có mặt.

Bị đơn: Bà Lương Th Nh L, sinh năm 1968. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Trà Đ 1, xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Đồng Th Ph, sinh năm 1994. Hộ khẩu thường trú: Thôn Trà Đ 1, xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N. Chỗ ở hiện nay: Số 6/6G, đường số 30, phường Bình An, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Chị Đồng Th K Lo, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn Trà Đ 1, xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn – Ông Đ B trình bày:

Ông và Bà Lương Th Nh L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/8/1993. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sinh được hai người con nhưng những năm gần đây hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ, vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Hơn 01 năm nay, ông và bà L đã không còn ăn cơm chung với nhau. Nay, ông nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với bà L được nữa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Đồng Th Ph, sinh năm 1994 và Đồng Th K Lo, sinh năm 1998. Hiện nay, các con đã trưởng thành, đủ khả năng lao động nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: 01 căn nhà cấp 4 nằm trên quyền sử dụng đất diện tích 465,27m² (theo hiện trạng sử dụng), trong đó diện tích đất ở 300m², tại thửa đất số 413, tờ bản đồ số 17 thuộc Thôn Trà Đ 1, xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất do UBND huyện Quế Sơn cấp ngày 22/5/1998; 01 xe mô tô hiệu Honda PCX biển kiểm soát 92G1-073.61; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave biển kiểm soát 92H5-2052 và các tài sản gia dụng khác. Ông Bằng cầu được nhận tài sản bằng hiện vật gồm: phần chái bên hông nhà và phần đất trống hướng Bắc ngôi nhà, nhận một xe 01 xe mô tô biển kiểm soát 92G1-073.61 và các tài sản gia dụng khác. Ông Đồng ý giao nhà, giao xe mô tô biển kiểm soát 92H5-2052 cho bà L sử dụng, phần chênh lệch giá trị bà L phải bồi trả cho ông nếu có, ông tự nguyện không nhận.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn - Bà Lương Th Nh L trình bày: Bà thống nhất thời gian, điều kiện, thủ tục kết hôn và con chung giữa bà với Ông Đ B, như Ông B đã trình bày. Trong thời gian chung sống, vợ chồng vẫn thương yêu nhau, nhưng thời gian gần đây vợ chồng không còn tin tưởng về tình cảm và vật chất nên thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã. Tuy nhiên, bà cảm thấy những mâu thuẫn này không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Vì vậy, bà không đồng ý yêu cầu ly hôn của ông B, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng bà đoàn tụ. Trường hợp Ông B vẫn cương quyết ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

Về tài sản chung: Bà thống nhất với lời khai của Ông B về toàn bộ tài sản chung. Nếu ly hôn, bà đề nghị được nhận căn nhà và các tài sản gắn liền với phần

đất có căn nhà để ở, vì hiện nay bà không còn chỗ ở nào khác và nhận 01 xe mô tô biển kiểm soát 92H5-2052 để sử dụng.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Đồng Th Ph và chị Đồng Th K Lo đều trình bày: Hiện nay, ba mẹ các chị là Ông Đ B và Bà Lương Th Nh L đang giải quyết tranh chấp về ly hôn và chia tài sản gồm 01 căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích đất 427m² tại thửa đất số 413, tờ bản đồ số 17 đã được nhà nước cấp GCNQSD đất năm 1998. Toàn bộ phần tài sản như trên là tài sản chung của Ông B và bà L nên đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật, các chị không có ý kiến gì và không có tranh chấp gì về phần tài sản này.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án cần xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”. Đề nghị cho ly hôn giữa Ông Đ B và Bà Lương Th Nh L. Về tài sản chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu Ông Đ B đã nêu. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Ông B phải chịu. Án phí dân sự có giá ngạch Ông B và bà L phải chịu tương ứng với giá trị tài sản được nhận theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Đồng Th Ph và Đồng Th K Lo đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị Ph và chị Lo tại phiên tòa.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Đ B có quan hệ hôn nhân hợp pháp với Bà Lương Th Nh L; địa chỉ: Thôn Trà Đình 1, xã Quế Phú, huyện Quế Sơn. Nay, Ông B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với bà L nên quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Ông B và bà L tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18 tháng 8 năm 1993. Quá trình giải quyết vụ án, Ông B cho rằng những năm gần đây, hạnh phúc gia đình bị đổ vỡ do ông và bà L không còn tin tưởng vào nhau, hơn 01 năm nay ông không còn ăn cơm chung với bà L. Bà L cũng thừa nhận: bà và Ông B không còn tin tưởng nhau về tình cảm lẫn vật chất nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Bà L cho rằng những mâu thuẫn này không nghiêm trọng đến mức ly hôn, nên yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ; tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án đến nay, bà L và Ông B vẫn không hàn gắn được tình cảm, Ông B cương quyết xin ly hôn và hiện nay không còn chung sống, quan tâm bà L nữa. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông B, bà L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Ông B là phù hợp, có căn cứ theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung: Đã trưởng thành, đủ khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Ông B và bà L thống nhất tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 nằm trên quyền sử dụng đất diện tích 427 m² tại thửa đất số 413, tờ bản đồ số 17 thuộc Thôn Trà Đ 1, xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N, theo GCNQSD đất do UBND huyện Quế Sơn cấp ngày 22/5/1998. Tuy nhiên, qua đo đạc, hiện trạng sử dụng đất của hộ Ông B là 465,27m². Như vậy, diện tích đất theo hiện trạng sử dụng lệch thừa 38,27m² so với GCNQSD đất. Qua xác minh, đối chiếu tại sổ mục kê, sổ địa chính và đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất năm 1997 xác định được: hộ Ông B đã sử dụng thửa đất này ổn định, từ khoảng năm 1993 đến nay, không xảy ra tranh chấp gì. Do đó, cần công nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông B theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất là 465,27m² (trong đó có 300m² đất ở) như nội dung Công văn số 501/UBND-NC ngày 23/5/2018 của UBND huyện Quế Sơn.

Xét quyền lợi của những người trong hộ Ông B đối với 01 căn nhà cấp 4 diện tích 166,03m² được xây dựng trên thửa đất diện tích 465,27m² thì thấy: Ông B và bà L kết hôn năm 1993, ông B, bà L được Nhà nước giao đất để sử dụng và xây dựng nhà ở vào năm 1993, đến ngày 22/5/1998 được UBND huyện Quế Sơn cấp GCNQSD đất. Chị Đồng Th Ph sinh năm 1994 và chị Đồng Th K Lo, sinh ngày 26/02/1998, nhưng ông B, bà L đã xây dựng nhà ở trên thửa đất này từ năm 1993 và sử dụng ổn định cho đến nay, nên đủ cơ sở xác định đây là tài sản chung của ông B, bà L; đồng thời, chị Ph và chị Lo đều thừa nhận căn nhà cùng quyền sử dụng đất tại thửa 413, tờ bản đồ số 17, diện tích 427m² đã được cấp GCNQSD đất là tài sản chung của ông B, bà L, các chị không tranh chấp gì đối với tài sản này. Do đó, Hội đồng xét xử xác định căn nhà cùng quyền sử dụng đất nêu trên là tài sản chung của ông B, bà L, không liên quan quyền lợi của chị Ph và chị Lo.

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 26/01/2018 xác định tài sản chung của ông B, bà L như sau:

- 01 căn nhà cấp 4 bao gồm: diện tích nhà 76,05m² giá trị 85.554.000 đồng, phần chái trước nhà và chái bên hông diện tích 77,55m² giá trị 36.427.050 đồng, nhà vệ sinh diện tích 2,08m² giá trị 1.226.656 đồng, chuồng heo diện tích 9,9m² giá trị 420.705 đồng, tường rào và cổng sắt giá trị 4.610.604 đồng. Tổng diện tích căn nhà là 166,03 m², giá trị 128.239.015 đồng;

- Quyền sử dụng đất tại thửa số 413, tờ bản đồ số 17 có tổng diện tích theo hiện trạng sử dụng là 465,27m², giá trị 79.462.290 đồng; trong đó 300m² đất ở giá trị 75.000.000 đồng; 165,27 m² đất vườn giá trị 4.462.290 đồng;

- 01 xe mô tô hiệu Honda PCX biển kiểm soát 92G1-073.61 giá trị 30.000.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda Wave biển kiểm soát 92H5-2052 giá trị 5.000.000 đồng;

- Các tài sản khác gồm: 01 giếng nước đóng năm 1997 giá trị 500.000 đồng, 01 giếng nước đóng năm 2013 giá trị 1.500.000 đồng, 01 cặp loa hiệu JBL giá trị 200.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Hitachi 150 lít giá trị 1.000.000 đồng, 02 tủ quần áo gỗ giá trị 700.000 đồng; 01 tủ líp phê giá trị 2.000.000 đồng, 01 tivi màu hiệu JBC 21 inch giá trị 500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chung của ông B, bà L được xác định là 249.101.305 đồng.

Xét yêu cầu chia tài sản của các bên thì thấy: Một phần chái bên hông và chái trước căn nhà có diện tích 38,8 m² (theo Biên bản xem xét, thẩm định bổ sung ngày 08/6/2018) của ông B, bà L là vật kiến trúc không kiên cố, có thể tháo rời khỏi căn nhà, nên giao 227,29 m² đất (trong đó có 150m² đất ở) giá trị 39.586.830 đồng và chái bên hông và chái trước diện tích 38,8m² giá trị 20.314.080 đồng cho Ông B quản lý, sử dụng sẽ đảm bảo cân đối diện tích đất ở, đất vườn cho các bên. Đối với xe mô tô hiệu Honda PCX biển kiểm soát 92G1-073.61 giá trị 30.000.000 đồng, hiện nay Ông B đang quản lý, sử dụng và đứng tên chủ sở hữu, nên giao cho Ông B sở hữu là phù hợp. Các tài sản gồm 01 cặp loa hiệu JBL giá trị 200.000 đồng, 01 tủ lạnh hiệu Hitachi 150 lít giá trị 1.000.000 đồng, 02 tủ quần áo gỗ giá trị 700.000 đồng, 01 tủ líp phê giá trị 2.000.000 đồng, 01 tivi màu hiệu JBC 21 inch giá trị 500.000 đồng giao cho Ông B quản lý sử dụng là phù hợp.

Giao căn nhà diện tích 76,05 m² giá trị 85.554.000 đồng gắn liền với đất diện tích 237,97 m² (trong đó có 150 m² đất ở) giá trị quyền sử dụng đất 39.875.190 đồng, phần chái trước nhà diện tích 23,65m² giá trị 7.279.470 đồng, phần chái bên hông nhà diện tích 15,1m² giá trị 8.833.500 đồng, nhà vệ sinh giá trị 1.226.656 đồng, chuồng heo giá trị 420.705 đồng, tường rào và cổng sắt giá trị 4.610.604 đồng cho bà L quản lý sử dụng. Đối với các tài sản gồm 01 giếng nước đóng năm

1997 giá trị 500.000 đồng và 01 giếng nước đóng năm 2013 giá trị 1.500.000 đồng đều nằm trên phần đất có căn nhà kiên cố nên giao cho bà L quản lý, sử dụng. Xe mô tô hiệu Honda Wave 92H5-2052 giá trị 5.000.000 đồng hiện nay bà L đang quản lý, sử dụng và đứng tên chủ sở hữu. Do đó, cần tiếp tục giao xe mô tô Honda Wave cho bà L quản lý, sử dụng là phù hợp với thực tế.

Như vậy, tổng giá trị tài sản bà L được nhận bằng hiện vật là 154.800.125 đồng. Tổng giá trị tài sản bằng hiện vật Ông B được nhận là 94.300.910 đồng. Ông B tự nguyện không nhận số tiền chênh lệch lẽ ra bà L phải thôi trả 30.249.472 đồng.

[6]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng Ông B phải chịu. Phần án phí dân sự có giá ngạch Ông B và bà L phải chịu tương ứng với giá trị tài sản được nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đ B về việc "*Tranh chấp về ly hôn và chia tài sản khi ly hôn*".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Ông Đ B và Bà Lương Th Nh L.
2. Về tài sản chung: Tổng giá trị tài sản chung của ông B, bà L là 249.101.305 đồng, mỗi bên được nhận tài sản với giá trị cụ thể:

- Ông Đ B được nhận tài sản gồm:

+ Một phần thửa đất số 413, tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Quế Sơn cấp ngày 22/5/1998, diện tích 227,29 m² (trong đó có 150m² đất ở) có tứ cận:

Hướng Đông giáp đất ở của ông Đồng Phước Lân có chiều dài 23,7m.

Hướng Tây giáp căn nhà bà L được nhận có chiều dài 23,9m.

Hướng Nam giáp đường bê tông nông thôn có chiều dài 11,1m.

Hướng Bắc giáp đất lúa có chiều dài 8m.

Giá trị quyền sử dụng đất là 39.586.830 (*Ba mươi chín triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn tám trăm ba mươi*) đồng.

+ Một phần chái bên hông và chái trước nhà diện tích 38,8m² giá trị 20.314.080 (*Hai mươi triệu ba trăm mười bốn nghìn không trăm tám mươi*) đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda PCX biển kiểm soát 92G1-073.61 giá trị 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

+ 01 cặp loa hiệu JBL, 01 tủ lạnh hiệu Hitachi 150 lít, 02 tủ quần áo gỗ, 01 tủ líp phê, 01 tivi màu hiệu JBC 21 inch. Tổng giá trị: 4.400.000 (Bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Bà Lương Th Nh L được nhận tài sản gồm:

+ Một phần thửa đất số 413, tờ bản đồ số 17, GCNQSD đất do UBND huyện Quế Sơn cấp ngày 22/5/1998, diện tích 237,97 m² (trong đó có 150 m² đất ở) có tứ cận:

Hướng Đông giáp phần đất Ông Đ B được nhận có chiều dài 23,9 m.

Hướng Tây giáp đất ở của ông Lê Quân có chiều dài 23,5m.

Hướng Nam giáp đường bê tông nông thôn có chiều dài các cạnh là 8,6 m.

Hướng Bắc giáp đất lúa có chiều dài 11,5m.

Giá trị quyền sử dụng đất là 39.875.190 (Ba mươi chín triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn một trăm chín mươi) đồng.

+ Quyền sở hữu căn nhà cấp 4 diện tích 76,05m², phần chái trước nhà diện tích 23,65m², phần chái bên hông nhà diện tích 15,1m², nhà vệ sinh diện tích 2,08m², chuồng heo diện tích 9,9m² được xây dựng trên thửa đất số 413, tờ bản đồ số 17 thuộc xã Q P, huyện Q S, tỉnh Q N do UBND huyện Quế Sơn cấp GCNQSD đất ngày 22/5/1998 có tổng giá trị 107.924.935 (Một trăm lẻ bảy triệu chín trăm hai mươi bốn nghìn chín trăm ba mươi lăm) đồng.

+ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave giá trị 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

+ 02 giếng nước đóng giá trị 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự có giá ngạch 4.715.045 đồng, tổng cộng: 5.015.045 đồng Ông Đ B phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm Ông B đã nộp là 3.987.000 (Ba triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006562 ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh

Quảng Nam. Ông B còn phải nộp 1.028.045 (*Một triệu không trăm hai tám ngàn, không trăm bốn lăm*) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Lương Th Nh L phải chịu 7.740.006 (*Bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn không trăm lẻ sáu*) đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thọ